

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TS. Võ Hùng Dũng¹

TÓM TẮT

Doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, giải quyết công ăn việc làm và nộp thuế đóng góp vào ngân sách.

ĐBSCL được xem là vùng đất có nhiều tiềm năng về kinh tế, đóng góp 1/3 sản lượng nông nghiệp, chiếm 20% dân số nhưng có chưa đầy 10% trong tổng số doanh nghiệp cả nước. Doanh nghiệp trong vùng cũng nhỏ về qui mô và tăng chậm về tốc độ.

Trong bài viết này tác giả phân tích tình hình phát triển doanh nghiệp khu vực ĐBSCL, những khó khăn trở ngại chính mà các doanh nghiệp đang gặp và đưa ra những khuyến nghị phát triển.

Từ khóa: Doanh nghiệp, Đồng bằng sông Cửu Long; Doanh nghiệp- Đồng bằng sông Cửu Long

ABSTRACT

Enterprises play a vital role in economic development, jobs creation, and tax contributions to national budget.

Mekong Delta has been naturally considered as a region which is full of potentials for economic development. It has been contributing 1/3 of national agriculture volume, accounting for 20% of national total population but it officially houses only 10% of total quantity of nation-wide enterprises. Furthermore, most of the enterprises in Mekong Delta are extremely small in size and really slow in growth rate.

In this article, the author mainly focuses on analyzing present situations and recent developments of enterprises in Mekong Delta as well as some main obstacles that they are currently facing so as to propose some relevant suggestions for future developments.

Key words: Enterprises, Mekong Delta; Mekong Delta's Enterprises

ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, giải quyết công ăn việc làm.

Đồng bằng sông Cửu Long với các thế mạnh về lúa gạo, thủy sản, cây ăn trái và vị trí địa lý kinh tế rất tốt với 3 mặt giáp biển, có đường biên giới với Campuchia, nằm cạnh TP.HCM trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Trong nhiều năm qua, các tỉnh trong vùng đã có những cố gắng trong công tác thu hút đầu tư nhưng kết quả thu được cho đến nay khá thấp. Toàn vùng đến nay chiếm chưa đầy 5% trong tổng số FDI (tính theo vốn đăng ký) của cả nước. Điều này có ảnh hưởng ít nhiều đến tăng trưởng kinh tế của các địa phương trong thời gian qua.

Hầu hết doanh nghiệp trong vùng là nhỏ và siêu nhỏ (97%). So với cả nước số lượng doanh nghiệp của vùng chiếm chưa

¹Giám đốc VCCI Cần Thơ

tới 10%, tốc độ phát triển khá chậm là một nguyên nhân nữa ảnh hưởng tới việc thu hút đầu tư và kế hoạch phát triển kinh tế trong thời gian tới.

Cấu trúc kinh tế, xã hội của vùng là nền tảng cho sự sinh sôi nảy nở của doanh nghiệp. Nhưng sự phát triển của doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào các chính sách phát triển của chính phủ, từ cấp trung ương đến chính quyền địa phương.

Trong mấy năm gần đây, các tỉnh trong vùng đã có những thay đổi đáng kể trong cải thiện môi trường kinh doanh, cải thiện cơ sở hạ tầng nhưng vấn đề phát triển doanh nghiệp vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể.

Trong thời gian tới, nếu các tỉnh ĐBSCL tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, cải thiện cơ sở hạ tầng và chăm lo nhiều hơn đến phát triển doanh nghiệp. Trước tiên là chất lượng hoạt động của doanh nghiệp hiện có, kể đến số lượng doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động. Tiếng nói của doanh nghiệp được lắng nghe nhiều hơn thì vùng này sẽ thu hút được nhiều hơn đầu tư từ bên ngoài và đạt tốc độ phát triển kinh tế lớn hơn.

1. TÓM TẮT TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐBSCL

ĐBSCL chiếm khoảng 12% diện tích và 20% dân số cả nước. Tỷ lệ dân số sống ở đô thị chỉ đạt 23%, thấp hơn khá xa so mức trung bình của cả nước là 30%.

Là vùng nông nghiệp lớn, ĐBSCL chiếm hơn 1/3 giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước cung cấp các sản phẩm chủ yếu về lúa gạo, thủy sản và trái cây. Ba sản phẩm xuất khẩu có kim ngạch trên 1 tỉ USD là cá, tôm và gạo. Với công nghiệp, ĐBSCL chỉ chiếm 10% GTSX CN cả nước nhưng với thương mại bán lẻ, ĐBSCL chiếm gần 20%. Dấu ấn của nông nghiệp thể hiện khá rõ trong mọi mặt của đời sống kinh tế và sinh hoạt xã hội của vùng.

Về cơ cấu kinh tế, nông nghiệp (và thủy sản) chiếm 40%, công nghiệp và xây dựng trên 25%, còn lại là dịch vụ với tỷ lệ vào khoảng 35%. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế diễn ra khá nhanh từ sau năm 2000 đến nay: khu vực I giảm 15%, khu vực II tăng gần 8% và khu vực III tăng 7%.

Trong cơ cấu lao động, khu vực I cũng đã giảm xuống dưới mức 50% vào năm 2010, và giảm nhiều hơn so 5 năm trước (9,2% so với 2,8%). Sự thay đổi này làm cho năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên cao hơn so 5 năm trước.

Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian từ 2001-2010 vào khoảng 11%, trong đó các năm 2001- 2005 là 10,5%, các năm 2006 – 2010 là 12%. Tăng trưởng của khu vực I vào khoảng 6,3%, khu vực II là 17% và khu vực III là 14% trong các năm từ 2001-2010.

Các ngành kinh tế chủ yếu

Công nghiệp chiếm vào khoảng 10% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước, có tỷ lệ tăng trưởng vào khoảng 15,8% từ 2001-2010 (tính theo GTSX). Nhóm ngành công nghệ thấp chiếm hơn 80%, nhóm công nghệ trung bình hơn 15%, nhóm có công nghệ cao chiếm dưới 4%. Lực lượng lao động trong công nghiệp chủ yếu cũng nằm trong nhóm có công nghệ thấp (hơn 75%).

Phần lớn công nghiệp của vùng là chế biến hàng hóa có nguồn gốc từ sản phẩm nông nghiệp. Chế biến thực phẩm chiếm vào khoảng 65% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng.

Tăng trưởng nông nghiệp vào khoảng 3,3% trong khoảng thời gian từ 2001-2010 (tính theo GTSX). Sản xuất nông nghiệp chiếm 33% của cả nước với 3 nhóm sản phẩm chính lúa gạo, thủy sản và trái cây, rau quả. Lúa năm 2011 đạt 22 triệu tấn, chiếm hơn 1/2 sản lượng cả nước. ĐBSCL là nơi cung cấp hầu hết lượng gạo xuất

khẩu nhờ vào sự phát triển cụm ngành, hệ thống và logistic. Xuất khẩu gạo năm 2011 đạt 7 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu 3,5 tỉ USD.

Kim ngạch xuất khẩu ước tính vào khoảng 8-9 tỉ USD với 2 nhóm sản phẩm chính lúa gạo và thủy sản, chiếm trên 70% kim ngạch. Các sản phẩm khác như trái cây, hàng may mặc, dừa và sản phẩm từ dừa, hàng thủ công, mỹ nghệ, may thêu. Điểm đặc biệt trong xuất khẩu của vùng là những sản phẩm nội địa, do các công ty địa phương xuất khẩu, thặng dư ròng xuất khẩu rất cao. Nhập khẩu do các công ty trong vùng thực hiện khá thấp. Thông thường nhập khẩu chỉ vào khoảng 30-40% so với xuất khẩu.

Thương mại bán lẻ. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2010 vào khoảng 277,5 nghìn tỉ đồng chiếm 18% tổng mức bán lẻ hàng hóa tiêu dùng cả nước. Tỷ lệ tăng bình quân 2001-2010 là 21% gần bằng mức tăng của cả nước (22%). Thương mại bán lẻ của vùng là động lực lớn cho sự phát triển khu vực Tp. Hồ Chí Minh.

Vận tải hàng hóa.

Khối lượng vận chuyển hàng hàng hóa của vùng năm 2009 vào khoảng 81,7 triệu tấn, chiếm khoảng 12,2% tổng mức vận chuyển hàng hóa cả nước. Tỷ lệ tăng bình quân các năm 2006-2009 là 8,3% thấp hơn rất nhiều so mức tăng 15,4%/ năm của các năm 2001-2005. Tỷ lệ tăng trên cũng thấp hơn nhiều so mức tăng bình quân của cả nước (13%/ năm các năm 2006-2009 và 16,2% các năm 2001-2005).

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký năm 2010 với 98 dự án, với số vốn đăng ký 1,82 tỉ USD, bằng 9,2% so cả nước.

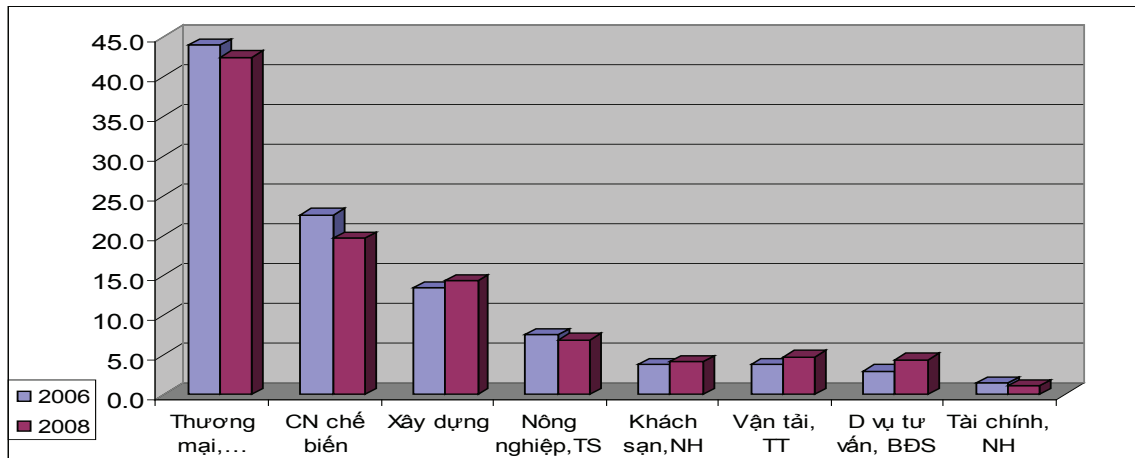
Tính từ năm 1988 đến 2010, tổng số dự án đầu tư FDI còn hiệu lực là 565 dự án và 9,44 tỉ USD bằng 4,9% FDI cả nước.

Kinh tế của vùng hiện nay chủ yếu là nông nghiệp. Nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu chi phối hoạt động kinh doanh và đời sống đa số dân cư trong vùng.

Trong cuộc điều tra mức sống dân cư năm 2010, ĐBSCL có mức thu nhập bình quân một nhân khẩu một tháng của năm 2010 là 1,25 triệu đồng, cao hơn so mức thu nhập nhóm 3 (trong 5 nhóm thu nhập) nhưng thấp hơn so mức thu nhập của nhóm 4. Với mức thu nhập này có thể nói là không cao. Một phần của nguyên nhân là ở cấu trúc kinh tế và trình độ của lao động. Cũng từ khảo sát này cho thấy ở nhóm nghèo (thu nhập của nhóm 1 và 2) phần lớn là những người chưa bao giờ đến trường, không có bằng cấp hoặc chỉ tốt nghiệp tiểu học (hơn 50%). ĐBSCL lại chiếm tỷ lệ cao ở nhóm này (hơn 60%). Với nhóm thu nhập thấp, phần lớn làm việc trong nông nghiệp thủy sản (hơn 60%). Lao động ở ĐBSCL cũng chiếm phần lớn trong nông nghiệp và thủy sản (50%).

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DN

Liên quan đến số liệu doanh nghiệp, nhiều cơ quan đưa ra các con số khác nhau. Số liệu do các cơ quan đăng ký kinh doanh, ĐBSCL có hơn 50 nghìn doanh nghiệp. Nhưng số liệu này cũng bao gồm cả doanh nghiệp có đăng ký nhưng chưa hoạt động, hoặc không còn hoạt động. Số liệu của Tổng cục thống kê công bố là số liệu qua điều tra, đưa ra chậm hơn so với các cơ quan đăng ký. Theo thống kê năm 2009, toàn vùng ĐBSCL có 23.220 doanh nghiệp, chiếm khoảng 9,5% tổng số DN cả nước.

Kết cấu ngành của doanh nghiệp**Hình 1: Kết cấu ngành kinh doanh của DN ở ĐBSCL**

Nguồn: Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra - Tổng Cục Thống kê

Tập trung phần lớn doanh nghiệp nằm trong ngành thương mại bán buôn và bán lẻ với 43%, công nghiệp chế biến 20%, xây dựng và nông nghiệp 15%, thủy sản 6,5%, vận tải chùng 4%. Cả 5 nhóm ngành này chiếm vào khoảng 90% trong tổng số doanh nghiệp. Trong khi doanh nghiệp thương mại và công nghiệp có xu hướng giảm trong cơ cấu, thì doanh nghiệp xây dựng, vận tải và hoạt động dịch vụ, du lịch có xu hướng tăng lên.

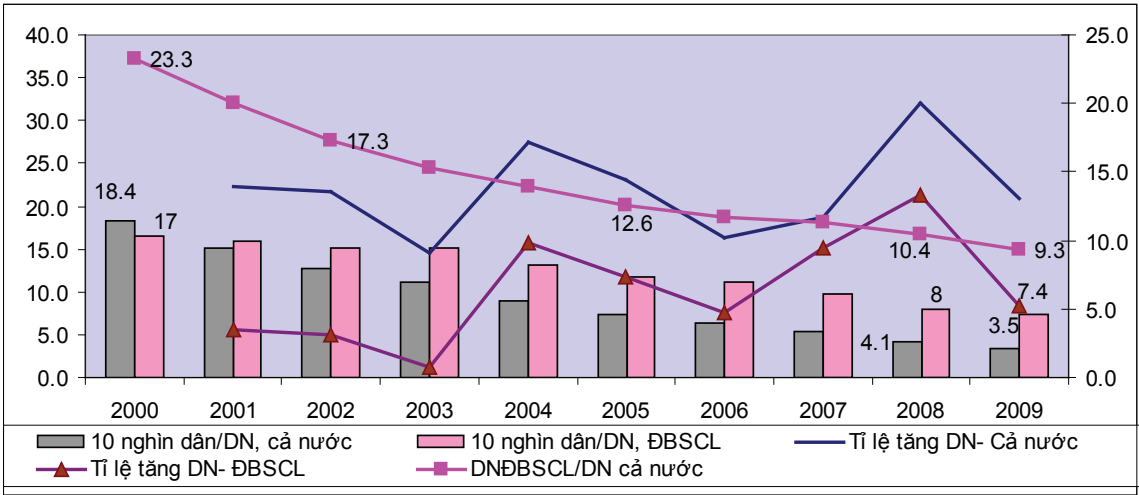
Xu hướng này cũng tương tự như cấu trúc doanh nghiệp chung của cả nước. Ngành thương mại chiếm cơ cấu khá lớn trong các năm đầu, sau đó thì giảm dần. Ngành công nghiệp cũng có tình trạng tương tự như vậy. Các năm về sau thì số lượng doanh nghiệp nhiều hơn trong các lĩnh vực xây dựng, dịch vụ như vận tải, thông tin, tài chính, tư vấn, khoa học công nghệ.

Phát triển doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp năm 2009 cả vùng là 23.220 doanh nghiệp, bằng 9,5% tổng số doanh nghiệp cả nước. Tốc độ phát triển hàng năm rất chậm. Bình quân từ 2001 đến 2009 chỉ đạt 10%/năm, bằng $\frac{1}{2}$ tốc độ tăng của cả nước. Vào năm 2000-2001, 2 năm đầu của thực hiện luật doanh nghiệp, ĐBSCL có số doanh nghiệp chiếm trên 20% tổng số doanh nghiệp cả nước, năm 2005 giảm còn gần 13%, từ 2008 và 2009 tiếp tục giảm xuống còn dưới 10%.

Điều này trở thành câu hỏi lớn với các nhà nghiên cứu là vì sao với một vùng kinh tế quan trọng, tự hào là năng động đóng góp gần 1/5 GDP cả nước nhưng tốc độ phát triển của doanh nghiệp lại chậm chạp, yếu kém đến như vậy?

Hình 2: Phát triển doanh nghiệp ở ĐBSCL



Số dân tính trên doanh nghiệp ở ĐBSCL năm 2000-2001 là 17 vạn dân/1 DN (cả nước là 18 vạn dân/1DN) nhưng đến năm 2009, tỉ lệ này ở ĐBSCL là 7,4 vạn dân/1 DN, cả nước là 3,4 vạn dân/1 DN.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Quy mô doanh nghiệp

Có đến 97% doanh nghiệp ĐBSCL là nhỏ và siêu nhỏ². Trong số đó 87% số doanh nghiệp có qui mô dưới 10 tỉ đồng,

77% DN từ 0,5 tỉ đến 5 tỉ. Còn nếu xét theo quy mô lao động thì có đến 98,6% số doanh nghiệp có qui mô sử dụng lao động dưới 300, trong đó dưới 50 lao động chiếm 92%.

Bảng 1 : So sánh DN vùng ĐBSCL với DN cả nước năm 2006 và 2008

	BQ số LĐ/ doanh nghiệp (người)	BQ vốn/ DN (tỷ đồng)	BQ TSCĐ và đầu tư dài hạn/ DN (tỷ đồng)	BQ doanh thu / DN (tỷ đồng)	BQ lợi nhuận trước thuế / DN (tỷ đồng)	Thuế và các khoản nộp NSNN/ DN (tỷ đồng)
Cả nước						
2006	51	25.8	10.9	20.4	1.27	1.46
2008	40	30.8	12.5	25.0	1.03	1.41
ĐBSCL						
2006	30	6.7	2.4	14.8	0.37	0.61
2008	28	10.8	3.6	18.2	0.49	0.71
So sánh Doanh nghiệp ĐBSCL với DN cả nước (%)						
2006	59	26	22	73	29	42
2008	71	35	29	73	48	50

Nguồn: Thực trạng doanh nghiệp. Kết quả điều tra năm 2007, 2008, 2009. TCTK

²DN siêu nhỏ có số lao động dưới 10 người. DN nhỏ có số lao động trên 10 đến dưới 200 và số vốn dưới 20 tỉ đồng (trong ngành TM, DV lao động từ 10 đến dưới 50, vốn dưới 10 tỉ). DN qui mô vừa có số vốn trên 20 tỉ đến dưới 100 tỉ, lao động từ trên 200 đến dưới 300 (trong ngành TM và DV thì số vốn từ trên 10 tỉ đến dưới 50 tỉ, lao động từ trên 50 đến dưới 100). DN qui mô lớn có số vốn trên 100 tỉ và lao động trên 300 (trong ngành TM và DV thì vốn trên 50 tỉ, lao động trên 100). Tổng cục Thống kê, Kết quả sản xuất kinh doanh của DN VN năm 2009, tập 1, nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội năm 2011, trang 32.

Bảng trên cho thấy qui mô của doanh nghiệp ĐBSCL nhỏ hơn rất nhiều so với cả nước. Bình quân số lao động/mỗi doanh nghiệp bằng 2/3, còn số vốn chỉ bằng 1/3 so mức chung cả nước. Mặc dù tất cả các chỉ tiêu này đã có cải thiện hơn so với 2 năm trước nhưng vẫn còn thấp xa mức trung bình chung. Ở các tiêu chí lợi nhuận và nộp thuế chỉ bằng 50%, đầu tư tài sản chưa bằng 1/3 so mức trung bình cả nước. Tóm lại, bức tranh về doanh nghiệp như trên có thể nói là không tốt cho năng lực dài hạn của ĐBSCL, rất khó bức phá vươn lên trong tương lai 5 hay 10 năm tới. Điều này cho thấy, thực tế hoạt động doanh nghiệp trong vùng đang gặp vô vàn khó khăn.

3. NHỮNG KHÓ KHĂN TRỞ NGẠI CHO HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Dấu ấn cấu trúc kinh tế: khu vực nông nghiệp, nông thôn rộng lớn, đô thị nhỏ, yếu

Khu vực nông thôn rộng lớn, môi trường kinh doanh yếu kém là rào cản tự nhiên của quá trình khởi sự doanh nghiệp. Khu vực nông nghiệp khá rộng cũng khó hấp dẫn việc đầu tư và phát triển các ngành nghề mới, một điều kiện cần thiết cho sự phát triển doanh nghiệp.

Nông nghiệp khó thu hút vốn đầu tư, khó phát triển doanh nghiệp là vấn đề chung của cả nước chứ không riêng gì với ĐBSCL. Trong tổng số vốn đầu tư nước ngoài (FDI) từ 1988 đến 2010, ngành nông nghiệp (và thủy sản) chỉ chiếm 6% số giấy phép đã cấp và 2,5% số vốn đăng ký. Trong tổng số doanh nghiệp hoạt động

tính đến 31 tháng 12 năm 2009 thì toàn bộ khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản chỉ chiếm 3,8%.

Khu vực đô thị còn nhỏ, yếu cũng khó khăn cho việc hình thành các ngành dịch vụ hỗ trợ. Điều này là một phần quan trọng giải thích vì sao vào năm đầu thi hành luật doanh nghiệp (năm 2000), ĐBSCL đã có số doanh nghiệp chiếm đến 23% trong tổng số doanh nghiệp cả nước, nhưng đến năm 2005 chỉ còn 13% và hiện nay chỉ còn 10%.

Trong điều tra PCI năm 2010, khi hỏi doanh nghiệp FDI về việc chọn địa điểm đầu tư thì danh sách các tỉnh ĐBSCL mà họ từng cân nhắc là Long An (28 Doanh nghiệp), Cần Thơ (18 Doanh nghiệp). Khi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam về kế hoạch mở rộng kinh doanh sang tỉnh thành phố khác thì số doanh nghiệp trả lời Cần Thơ 55, Long An 36, Vĩnh Long 36, Hậu Giang 29 đó là những tỉnh gần TP.HCM hoặc gần sát với TP.Cần Thơ.

Tốc độ phát triển đô thị chậm chạp ảnh hưởng tới phát triển các ngành dịch vụ, thương mại và công nghiệp. Đô thị hóa chắc chắn có liên quan đến tỉ lệ dân số, và trình độ học vấn, đến trường và lao động được đào tạo.

Các nghiên cứu trong vùng cho thấy những tỉnh có tỉ lệ dân số đô thị thấp, khu vực I chiếm tỉ trọng cao như Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Hậu Giang, có số lượng doanh nghiệp đăng ký mới trước năm 2009 rất thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế không cao, thu nhập tính trên đầu người cũng nằm ở nhóm thấp trong vùng.

Bảng 2: Số DN đăng ký, tỉ lệ đô thị hóa và thu nhập dân cư

	Tăng trưởng 2006-2010	DS ở đô thị 2009 (%)	Di cư thuần năm 2010	KV I năm 2010	Số DN đăng ký 06-08	Thu nhập năm 2008
ĐBSCL	12.0	22.8	-8.4	39.6	14880	939.9
Long An	11.4	17.5	-3.5	36.8	2042	937.7

Tiền Giang	11.0	13.8	-0.2	44.7	1088	955.9
Bến Tre	9.5	10.0	-12.9	46.7	707	872.2
Trà Vinh	11.7	15.3	-4.1	47.3	362	772.2
Vĩnh Long	11.3	15.4	-13.4	50.6	689	898.9
Đồng Tháp	14.1	17.2	-6.7	48.8	781	889.6
An Giang	10.3	28.4	-8.3	33.5	1611	1064
Kiên Giang	11.6	26.9	-8.7	42.6	1791	1017.6
Cần Thơ	15.1	65.8	-1.7	10.6	3001	1130.8
Hậu Giang	12.3	19.8	-6.9	45.6	531	885.9
Sóc Trăng	11.4	19.5	-10	56.3	699	728.3
Bạc Liêu	11.6	26.3	-10.6	52.2	347	925.3
Cà Mau	13.7	20.5	-27.3	39.9	1231	970.4

Chú thích nguồn số liệu: Tăng trưởng GDP và tỉ lệ KV I/ GDP dựa theo số liệu thống kê địa phương; Số doanh nghiệp đăng ký dựa theo số liệu từ các sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh; Tỉ lệ di cư thuần, dân số sống ở đô thị dựa theo niên giám tổng kê năm 2010- Tổng cục Thống kê; () Thu nhập bình quân 1 nhân khẩu một tháng dựa theo số liệu khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010, Tổng Cục Thống kê.*

Sản xuất nông nghiệp gắn liền với sản xuất của các nông hộ, quản lý theo kiểu gia đình, không cần đến mô hình quản trị theo kiểu doanh nghiệp. Với cách thức này, giải thích phần nào việc thiếu tiếp cận kiến thức quản trị và việc hiệu quả kinh doanh cũng còn khá thấp của doanh nghiệp trong vùng.

Cơ sở hạ tầng

Thiếu cơ sở hạ tầng không chỉ ngăn trở việc hình thành các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, giao nhận mà nó còn làm cho mối liên hệ kết nối các loại hình hoạt động kinh doanh bị gián đoạn, cắt khúc.

Về giao thông, mặc dù đã có nhiều cải thiện nhưng cũng phải đến tháng 4 năm 2010 cầu Cần Thơ mới đưa vào sử dụng, sân bay Cần Thơ vẫn với đường bay nội địa 2 chuyên một ngày với Hà Nội. Tàu biển có trọng tải trên 3.000 tấn vẫn chưa thể vào được Cần Thơ.

Doanh nghiệp ở địa phương thường phải chịu chi phí cao hơn trong các hoạt động vận chuyển, dịch vụ. Nếu ở vùng nông thôn thì chi phí này còn phải cao hơn. Hạ tầng, giao thông đang là vấn đề hết sức gay gắt với vùng nông nghiệp hàng hóa lớn, nhu cầu chuyên chở vận chuyển cao.

Chi phí vận tải cao là trở ngại đối với các doanh nghiệp. Điều tra PCI năm 2009 cho biết tỉ lệ đường được rải nhựa của vùng này thấp thứ 2 cả nước, chỉ hơn miền núi phía Bắc, thấp hơn cả Tây Nguyên. Giá điện trung bình thì cao hơn cả nước, cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng gần 3%. Các doanh nghiệp ở ĐBSCL phải trả phí chuyên chở cao hơn so với ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và ở các tỉnh miền Đông³.

³Điều tra PCI năm 2009 cho biết 36,4% DN ĐBSCL có sản phẩm bị hư hại do chất lượng đường xá kém, giá trị thiệt hại cho mỗi doanh nghiệp trung bình là 25 triệu đồng/năm. DN mất trung bình 7,2 ngày làm việc do hệ thống giao thông từ doanh nghiệp tới trung tâm tỉnh không lưu thông được do lũ lụt, thiên tai. Trung bình giá điện phải trả của DN ở ĐBSCL là 792\$/kw so với bình quân cả nước là 777 (Đậu Anh Tuấn, PCI năm 2009 ở khu vực ĐBSCL).

Nguồn nhân lực

Về nguồn nhân lực, ĐBSCL từ lâu đã được xem là vùng “trũng” khi xem xét các số liệu đào tạo, dạy nghề và học vấn. Điều tra dân số năm 2009 một lần nữa cho thấy ĐBSCL chiếm tỉ lệ cao ở nhóm chưa tốt nghiệp tiểu học đến tốt nghiệp tiểu học (67,5%), nhưng lại chiếm tỉ lệ thấp ở nhóm tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên (10,7%). Tỉ lệ cao đẳng và đại học càng thấp hơn.

Quan niệm về đào tạo và sử dụng nguồn vốn ngân sách cũng hết sức cứng nhắc. Vốn ngân sách rót cho đào tạo phải qua kênh của hệ thống trường đào tạo của Nhà nước trong khi các doanh nghiệp phải bỏ tiền để đào tạo lại cho thích ứng với nhu cầu của mình. Một khảo sát qua điều tra PCI năm 2010 vừa rồi đưa ra một so sánh cho thấy doanh nghiệp ở Sóc Trăng phải trả chi phí đào tạo lao động cao hơn gấp rưỡi so với doanh nghiệp ở Cần Thơ, với chi phí tuyển dụng lao động phải trả cao gấp đôi.

ĐBSCL hiện nay không thiếu trường đại học, cao đẳng và trường nghề. Tỉnh nào giờ đây cũng có ít nhất một trường đại học và một trường cao đẳng, có tỉnh có đến 2, 3 trường cùng các chương trình đào tạo liên kết. Nhưng cái thiếu về chất lượng vẫn không thay đổi.

Vấn đề chất lượng nguồn nhân lực trở nên rõ ràng hơn khi cuộc điều tra PCI năm 2010 cho biết trong 5 yếu tố hàng đầu mà doanh nghiệp FDI hiện tại quan tâm thì yếu tố về lao động đã chiếm đến 2/5, đó là chi phí lao động và chất lượng lao động. Đây lại là điểm yếu, rất yếu của vùng ĐBSCL.

4. NHỮNG ĐỀ XUẤT

Cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực

Cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng là yếu tố hàng đầu cho cải thiện môi trường

kinh doanh và thu hút đầu tư. Khi nói về cơ sở hạ tầng hiện nay thì không chỉ là giao thông mà bao gồm cả hệ thống giao dịch trên mạng thông tin, nguồn năng lượng cung cấp cho doanh nghiệp. Các khu công nghiệp cũng được xem là một phần trong kết cấu cơ sở hạ tầng bao gồm đất đai được quy hoạch, điện nước, xử lý chất thải và độ mở kết nối với các trục giao thông, cảng lớn, những thị trường tiêu thụ lớn.

Trong tương lai để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp ĐBSCL phải có những giải pháp hữu hiệu trong giải quyết bài toán nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng. Trong khi cơ sở hạ tầng giao thông đang được đầu tư và sẽ có sự cải thiện đáng kể trong vòng 5-7 năm tới thì vấn đề chất lượng nguồn nhân lực dường như khó nhìn thấy sự thay đổi. Nên cần phải có những nỗ lực nhiều hơn hiện nay.

Cải thiện thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh của vùng

Chỉ số năng lực cấp tỉnh (PCI) là thước đo năng lực điều hành và môi trường kinh doanh của địa phương, ĐBSCL đang có được những kết quả khá tốt từ các năm 2009, 2010, những kết quả đó cần được duy trì nhưng điều quan trọng không phải ở thứ hạng mà kết quả từ PCI đó phải thúc đẩy việc gia tăng được số doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương trình phát triển doanh nghiệp

Cần có sự quan tâm nhiều hơn của các cấp chính quyền địa phương về chương trình phát triển doanh nghiệp để tăng về số lượng và cải thiện chất lượng. Cần đưa việc phát triển doanh nghiệp ngang bằng với các mục tiêu kinh tế trong các kế hoạch 5 năm, hàng năm. Suy cho cùng chính doanh nghiệp, chứ không phải các cơ quan Nhà nước mới là người thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoàn thành các mục tiêu về kinh tế.

Liên kết doanh nghiệp

ĐBSCL rất thiếu doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu đàn mang tính dẫn dắt. Vai trò quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ là tính linh hoạt, giải quyết nhiều công ăn việc làm. Nhưng nền kinh tế chỉ toàn các doanh nghiệp nhỏ sẽ không có những trung tâm hỗ trợ, thúc đẩy, không có những đơn hàng lớn, đa dạng, đa chủng loại, những yêu cầu cầu cầu thâu phụ.

Hình thức phát triển qua các Hiệp hội doanh nghiệp, hình thành Hiệp hội doanh nghiệp cấp vùng hoặc liên kết các Hiệp hội trong một câu lạc bộ để thúc đẩy hợp tác và giao lưu.

Những đề nghị của doanh nghiệp

Trong quá trình chuẩn bị cho diễn đàn doanh nghiệp, VCCI Cần thơ cũng đã tổ chức nhiều buổi làm việc với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến doanh nghiệp và ghi nhận những phản ánh của họ liên quan đến khó khăn và kiến nghị của chính các doanh nghiệp. Dưới đây là tóm tắt những ý chính:

- *Đề nghị chính phủ ổn định kinh tế vĩ mô*

Chính phủ và các cơ quan chức năng phải thực sự sâu sát với doanh nghiệp, có những chính sách, giải pháp chỉ đạo điều hành kịp thời và linh hoạt. Các định hướng chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ cần đồng bộ, và kịp thời triển khai nhất quán giữa các địa phương, có kiểm tra và giám sát chặt chẽ trong việc công khai minh bạch cho doanh nghiệp được biết nhằm tạo lòng tin trong nhân dân, doanh nghiệp đối với sự điều hành của chính phủ trong việc khôi phục nền kinh tế, và quan trọng là giúp doanh nghiệp chủ động trong chiến lược sản xuất kinh doanh.

Những bất ổn về thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái, sự biến chuyển phức tạp của tỉ giá, giá vàng đã gây ra những khó khăn lớn cho doanh nghiệp mà đặc biệt là doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Ngân hàng

Nhà nước cần quan tâm đến việc điều hành tỷ giá một cách linh hoạt và có chiến lược, nhằm kiềm chế lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ.

- *Thuế, hải quan và thủ tục hành chính*

Sự thiếu nhất quán của các địa phương trong việc tính thuế và hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp, Nhà nước cần đơn giản hóa và thống nhất hóa các thủ tục khai báo giữa các địa phương. Khi tổ chức đối thoại, nên thực sự lắng nghe và tìm cách chia sẻ, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp trong thực tiễn, không làm theo kiểu “đền hện lại lên”, chỉ nhằm vào mục đích tiện lợi và dễ quản lý cho cơ quan thuế.

Đơn giản hóa các thủ tục về thuế và hải quan, áp dụng kê khai thuế, hải quan điện tử rút ngắn thời gian kê khai, khai báo. Tăng cường phổ biến, cập nhật các thông tư, văn bản pháp luật kịp thời cho doanh nghiệp.

- *Quan tâm ngành công nghiệp, dịch vụ cung cấp đầu vào cho nông nghiệp*

Các sản phẩm nông nghiệp chịu ảnh hưởng lớn bởi vấn đề thị trường, được mùa thì mất giá ... trong khi đó đầu vào của sản phẩm nông nghiệp lại thiếu sự quản lý của cơ quan chức năng, làm ảnh hưởng đến chất lượng và giá thành của sản phẩm. Ví dụ: giá thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi gia tăng liên tục đã làm nông dân bị thiệt thòi lớn và ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung.

- *Lương và bảo hiểm y tế, công đoàn phí*

Tăng lương để bù trượt giá và chạy theo lạm phát trong khi tình hình kinh doanh của doanh nghiệp hết sức khó khăn rõ ràng là quá sức chịu đựng của doanh nghiệp, chính phủ cần có biện pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động.

Việc khám chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động là cần thiết nhưng cũng đang có nhiều vấn đề với công nhân.

Trong thực tế, việc khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế gặp nhiều khó khăn và bất cập như: (1) không khám vào ngày thứ bảy chủ nhật, trong khi người lao động phải đi làm tất cả các ngày hành chính trong tuần. (2) Cơ quan bảo hiểm chỉ thanh toán các bệnh nhẹ, thông thường, bệnh nặng không được thanh toán như viêm gan siêu vi C, ung thư ... những bệnh này lại hoàn toàn xảy ra nếu môi trường làm việc xấu; (3) Khám chữa bệnh phải đứng tuyến, phân loại bệnh viện tuyến 1, 2, 3; (4) Dịch vụ khám chữa bệnh thì kém, thái độ phục vụ không tận tâm ... Đề nghị chính phủ cần sâu sát và có biện pháp giải quyết vấn đề sức khỏe và an sinh cho người lao động cũng như để doanh nghiệp thấy có ý nghĩa khi tham gia đóng bảo hiểm y tế cho người lao động.

Công đoàn phí trở thành 1 gánh nặng lớn cho doanh nghiệp khi mà doanh nghiệp gồng mình đóng 2%/1 lao động trong bối cảnh lạm phát, lãi suất cao như hiện nay mà chẳng biết tiền đó Nhà nước dùng để làm gì, không được báo cáo, chẳng được công bố ... Đề nghị chính phủ giãn nộp, hoặc minh bạch các khoản đóng góp này.

Những đề nghị khác của doanh nghiệp còn bao gồm: (i) kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm và tình trạng gian lận, bơm chích tạp chất kiểm dịch trong lĩnh vực thủy sản xuất khẩu; (ii) Chính phủ chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý về tình trạng kinh doanh của thương nhân Trung Quốc vào sâu thị trường nội địa; (iii) tạo môi trường kinh doanh an ninh, trật tự và đảm bảo để doanh nghiệp an tâm sản xuất.

KẾT LUẬN

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất nhiều tiềm năng, tiềm năng nông nghiệp trong hiện tại, công nghiệp và dịch vụ trong

tương lai. Lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế sẽ mang lại những thay đổi quan trọng cho sự phát triển của vùng trong các thập kỷ tới. Để đáp ứng nhu cầu phát triển, ĐBSCL cần quan tâm nhiều hơn cho chương trình phát triển doanh nghiệp ngay từ bây giờ. Đó phải là chương trình đồng bộ gia tăng số lượng, cải thiện chất lượng, qui mô và sức cạnh tranh. Đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị là 2 yêu cầu cơ bản để doanh nghiệp hoạt động. Đào tạo lao động, chăm lo xây dựng lực lượng các nhà quản trị mới có thể tận dụng được cơ hội, phát triển kinh tế của vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê các tỉnh trong vùng ĐBSCL. “*Niên giám thống kê hàng năm từ 2000 đến 2010*”.
2. VCCI Cần Thơ. “*Tài liệu làm việc của VCCI Cần Thơ với các doanh nghiệp, các cơ quan địa phương trong quá trình chuẩn bị cho diễn đàn doanh nghiệp trong Diễn đàn kinh tế vùng ở Cà Mau tháng 11/2011*”.
3. Tổng cục Thống kê. “*Một số kết quả chủ yếu từ khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010*”, tháng 6/2011.
4. Tổng cục Thống kê. “*Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2007, 2008 và 2009*”. Nhà xuất bản Thống kê. 2010.
5. Tổng cục Thống kê. “*Niên giám thống kê 2009, 2010*”. NXB Thống kê. 2009, 2010.
6. Tiến sỹ Edmund Malesky và nhóm nghiên cứu. “*Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2006, 2007, 2008, 2009 và 2010*”. Báo cáo nghiên cứu chính sách – USAID/VNCI. 2006, 2007, 2008, 2009, 2010.